TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2023/DS-PT
Ngày: 29 - 11 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán:Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Bà Kiều Kim Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Thân – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2023/TLPT-DS ngày 09/10/2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 401/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Dương Thúy D, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà G, đường N, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D là: Ông Đỗ Nhựt Q, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà C, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2022).

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Dương Thúy D trình bày:

Trước đây chị và chị Nguyễn Thị T có quen biết với nhau, do cần vốn làm ăn nên vào ngày 25/9/2020 chị T có vay của chị 420.000.000 đồng. Hai bên có đến Phòng Công chứng Mai Thành L thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký Hợp đồng vay tiền với nội dung cho chị T vay số tiền là 420.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/ tháng (Hai bên làm Giấy viết tay thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng). Để đảm bảo cho khoản vay này chị T có giao cho chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 372113 của thửa đất số 434, tờ bản đồ số 12. Chị T có trả lãi cho chị tất cả 04 lần vào các ngày 25/10/2020, 25/11/2020, 25/12/2020, 25/01/2021 mỗi lần 10.500.000 đồng x 4 lần = 42.000.000 đồng.

Vào ngày 18/01/2021 chị T cần thêm tiền nên chị cho chị T vay tiếp số tiền là 80.000.000 đồng. Cùng ngày hai bên có đến Văn phòng Công chứng huyện C, tỉnh Đồng Tháp để ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất đối với Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 372113, diện tích là 2.608,3m^2, loại đất: Đất ở tại nông thôn để chị T vay số tiền 500.000.000 đồng, gồm 420.000.000 đồng tiền vay vào ngày 25/9/2020 và 80.000.000 đồng vay vào ngày 18/01/2021, lãi suất không ghi trong hợp đồng mà do hai bên tự thỏa thuận là 2,5%/ tháng. Chị T đã trả lãi được 01 tháng là 13.000.000 đồng vào ngày 25/02/2021. Khoảng 03 tháng sau, chị T có nhờ chị cùng đi làm thủ tục để tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm 02 thửa gồm phần đất mồ mả riêng và phần đất thổ cư còn lại riêng để tiện cho việc giao dịch. Đến ngày 02/4/2021 chị và chị T đến Văn phòng C để ký Hợp đồng ủy quyền là chị T giao cho chị liên hệ với các cơ quan chức năng tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp để làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục xóa thế chấp khoản vay 500.000.000 đồng. Trong Hợp đồng có ghi rõ khi hoàn tất các thủ tục thì chị được quyền nhận bản chính các Giấy CNQSDĐ.

Cùng ngày 02/4/2021 chị và chị T cũng có ký 01 bản Hợp đồng vay tiền, chị cho chị T vay số tiền là 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,6%/tháng và cũng được Văn phòng C chứng nhận. Sau đó, chị về huyện C, tỉnh Đồng Tháp để làm thủ tục xóa thế chấp và làm thủ tục tách thửa Giấy CNQSDĐ cho chị T. Đến ngày 19/5/2021 chị T được cấp 02 Giấy CNQSDĐ mới gồm Giấy số DB 897482, thửa số 444, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.365,5m^2, loại đất: Đất ở tại nông thôn và Giấy số DB 897483 thửa số 445 tờ bản đồ số 12, diện tích 242,8m^2, loại đất: Đất ở tại nông thôn. Hiện tại chị đang giữ bản chính 02 Giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên và chị đồng ý giao cho cơ quan Thi hành án để đảm bảo việc trả nợ của chị T.

Từ thời điểm vay ngày 25/9/2020 đến khi chị khởi kiện vào tháng 3/2022 thì chị T có trả lãi cho chị tất cả 05 lần tiền vào các ngày 25/10/2020, 25/11/2020, 25/12/2020, 25/01/2021 mỗi lần 10.500.000 đồng x 4 lần = 42.000.000 đồng và trả 13.000.000 đồng vào ngày 25/02/2022, tổng cộng là 55.000.000 đồng.

Do đó, chị yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả cho chị số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi 224.930.000 đồng (Lãi tạm tính từ ngày 18/02/2021 đến ngày 21/5/2023 là 27 tháng 03 ngày x lãi suất 1,66%/tháng x 500.000.000 đồng = 224.930.000 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 724.930.000 đồng. Chị không yêu cầu gì đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/01/2021 giữa chị và chị T và cũng không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị thừa nhận có vay tiền của chị D nhiều lần, cụ thể từ tháng 11/2019 chị vay của chị D 420.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, chỉ đưa cho chị D giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 372113. Sau khi vay chị có trả cho chị D tiền lãi hàng tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng. Trong thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2022, tổng cộng đã trả được tiền lãi là 420.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận. Đến tháng 3/2022 chị D nói là không lấy lãi nữa mà đồng ý cho chị trả vốn nên chị đã gom góp trả cho chị D được 305.000.000 đồng. Việc trả vốn này cũng không có làm biên nhận, chỉ có người chứng kiến là anh Trần Ngọc N, sinh năm 1986 có chứng kiến 03 lần trả tại quán cà phê một lần là 70.000.000 đồng và hai lần mỗi lần trả 50.000.000 đồng.

Nay chị không đồng ý trả cho chị D số tiền vốn 500.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu của chị D. Chị chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền vốn vay còn nợ là 195.000.000 đồng vì hiện tại chị không còn khả năng trả lãi.

Đối với hợp đồng thế chấp ngày 18/01/2021 do vào ngày 19/4/2021 chị D đã ký phiếu yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Cùng ngày 19/4/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã cập nhật thông tin thay đổi vào trang bổ sung của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 372113. Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 897482, số DB 897483 đứng tên Nguyễn Thị T hiện chị D đang giữ theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/4/2021. Nay chị yêu cầu chị D trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho chị. Chị không có yêu cầu phản tố.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thúy D đối với chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thúy D đối với chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi tính từ 18/02/2021 đến ngày 21/4/2023 với số tiền là 211.930.000 đồng. Tổng cộng chung vốn và lãi chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Dương Thúy D số tiền là 711.930.000 đồng *(Bảy trăm mười một triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)*.

2. Chị Dương Thúy D trả cho chị Nguyễn Thị T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa DB 897482, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa DB 897483 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đ cấp cùng ngày 19/5/2021 cho bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/6/2023 chị Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chị chỉ còn nợ chị D số tiền gốc là 195.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần lãi theo sự tự nguyện của Nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị T kháng cáo cho rằng chị có vay chị D 500.000.000 đồng, nhưng đã trả lãi được 420.000.000 đồng và trả tiền vay gốc là 305.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 195.000.000 đồng. Do đó, chị chỉ đồng ý trả cho chị Dương Thúy D 195.000.000 đồng và lãi của số tiền này theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy, ngày 25/9/2020 chị Dương Thúy D và chị Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng vay số tiền 420.000.000 đồng. Đến ngày 18/01/2021 chị D cho chị T vay thêm 80.000.000 đồng nên hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo số tiền vay 500.000.000 đồng. Đến ngày 19/4/2021 chị D đã ký phiếu yêu cầu xóa đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C nhằm mục đích để chị T thực hiện thủ tục tách thửa đất số 434, tờ bản đồ số 12 thành 02 thửa nhỏ hơn. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/6/2023 các đương sự đều thừa nhận mặc dù đã ký xóa thế chấp nhưng chị T chưa trả số tiền 500.000.000 đồng. Để tạo niềm tin cho chị D hai bên ký thêm Hợp đồng vay với số tiền là 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,6%/tháng và cũng được Phòng Công chứng Mai Thành L chứng nhận. Về phía chị T xác định thống nhất với đại diện Nguyên đơn về số tiền vốn vay còn nợ tính đến tháng 01/2021 là 500.000.000 đồng.

[3] Xét việc chị T cho rằng có trả lãi hàng tháng cho chị D mỗi tháng 20.000.000 đồng, trong thời gian 02 năm từ tháng 11/2019, tổng cộng đã trả được số tiền 420.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận. Đến tháng 3/2022 chị D nói là không lấy lãi nữa mà đồng ý cho trả vốn nên chị T đã gom góp trả cho chị D được số tiền 305.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 195.000.000 đồng. Việc trả vốn lần này cũng không có làm giấy tờ hay chứng cứ gì, chỉ có một lần trả 70.000.000 đồng vào tháng 7/2022 thì có anh Trần Ngọc N là bạn chị T chứng kiến. Tuy nhiên, lời trình bày của chị T không được chị D thừa nhận và chị T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/6/2023 anh N với tư cách là người làm chứng khai là có chở chị T bằng xe gắn máy đến quán cà phê mà chị T và chị D hẹn trước. Đây cũng là lần đầu tiên anh N gặp chị D, trước đó anh không biết chị D. Khi đến nơi anh N ngồi trên xe bên ngoài không vào trong quán nên không biết rõ số tiền giao nhận giữa chị T và chị D. Anh N chỉ nghe qua lời nói của chị T là đem 70.000.000 đồng để trả cho chị D tiền đất đai. Do đó, không đủ căn cứ để chứng minh chị T có trả cho chị D 420.000.000 đồng tiền lãi.

Vì vậy, chị T kháng cáo chỉ đồng ý trả cho chị D vốn 195.000.000 đồng và lãi của số tiền này theo quy định của pháp luật là không có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q đại diện cho chị D thừa nhận chị T đã trả lãi cho chị D tổng cộng là 62.200.000 đồng (Trong đó gồm 57.500.000 đồng tiền lãi và 4.700.000 đồng tiền chị T gởi cho chị D lúc đám tang cha chị D) và đồng ý trừ số tiền này vào số tiền lãi mà chị T phải trả cho chị D theo án sơ thẩm đã xử theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 18/02/2021 đến ngày 21/5/2023 là 27 tháng 3 ngày. Xét thấy, đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Vì vậy, chị T phải trả cho chị D vốn là 500.000.000 đồng và lãi là (500.000.000đ x 1,66% x 27 tháng 3 ngày = 224.930.000đ) 224.930.000đ – 62.200.000đ = 162.730.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 500.000.000đ + 162.730.000đ = 662.730.000 đồng.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị T về phần tiền lãi theo sự tự nguyện của Nguyên đơn là có căn cứ như đã nhận định ở trên nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, sửa một phần Bản án sơ thẩm về tiền lãi.

Do chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị T nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 357, Điều 322 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị T.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thúy D.

4. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Dương Thúy D số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và lãi là 162.730.000 đồng, tổng cộng là 662.730.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng).

5. Chị Dương Thúy D phải trả cho chị Nguyễn Thị T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa DB 897482 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa DB 897483 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cùng ngày 19/5/2021 cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị T phải chịu 30.480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 00056717 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành. Chị T phải nộp tiếp 30.180.000 đồng.

+ Chị Dương Thúy D được nhận lại 16.217.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009250 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

7. Về chi phí đăng tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú:

Chị Dương Thúy D đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ (Đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Kiều Kim Xuân – Nguyễn Thị Võ **Sỹ Danh Đạt**

Trinh

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt